



RSM DTL Auditing
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NƯỚC KHOÁNG VĨNH Hào**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám Đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2012	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 26



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nước Khoáng Vĩnh Hảo (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Nước Khoáng Vĩnh Hảo (dưới đây gọi tắt là Công ty) là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Giấy phép thành lập số 000965 GP/TLĐN-03 ngày 14 tháng 1 năm 1995 và giấy chứng nhận đầu tư số 4812000734 ngày 06 tháng 02 năm 2013 do UBND Tỉnh Bình Thuận cấp.
- Giấy đăng ký kinh doanh số 3400178402 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp ngày 9 tháng 11 năm 1995 và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 28 tháng 08 năm 2012.

Công ty đã đăng ký là Công ty đại chúng tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 2 tháng 1 năm 2008.

Trụ sở chính được đặt tại 346 Hải Thượng Lãn Ông, Phường Phú Tài, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 81 tỷ đồng.

Các nhà máy và chi nhánh trực thuộc tính đến 31/12/2012 gồm:

- Nhà máy sản xuất nước khoáng Vĩnh Hảo tại Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận.
- Chi nhánh Bình Dương tại Ấp Hóa Nhứt, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh Hồ Chí Minh tại 184 Hoàng Hoa Thám, Phường 12, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Văn phòng đại diện: Lầu 5, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bông và chế phẩm vệ sinh.
- Dịch vụ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động.
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe.
- Kinh doanh đồ uống, thực phẩm.
- Sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.
- Chế biến và bảo quản rau quả.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Thanh Bình	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 01/6/2012)
Ông Phạm Duy Hưng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 01/06/2012), hiện là thành viên
Ông Hồ Sơn Hùng	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên
Ông Lars Kjeaar	Thành viên
Ông Hans Christian Jacobsen	Thành viên (bổ nhiệm ngày 12/4/2012)
Ông Nguyễn Xuân Hải	Thành viên (miễn nhiệm ngày 12/4/2012)

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Lê Tuấn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Đức Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/06/2012)

3. Tình hình kinh doanh năm 2012

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2012 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty.

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Phan Thiết, ngày 20 tháng 03 năm 2013



NGUYỄN HỮU DŨNG



RSM DTL Auditing

Connected for Success

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thủ
Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: +848 3827 5026 | Fax: +848 3827 5027
www.rsm.com.vn | dtlco@rsm.com.vn

Số: 13.194/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 20 tháng 03 năm 2013 của Công ty cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 4 đến trang 26 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh các thông tin trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Ở đây chúng tôi không phủ nhận ý kiến chấp nhận toàn phần như trên, mà chỉ muốn lưu ý đến người đọc báo cáo tài chính vấn đề liên quan đến việc xin cấp giấy phép khai thác nước khoáng mỏ giếng khoan VH1-711B tại xã Vĩnh Hảo, huyện Tuy Phong như sau:

Giấy phép khai thác nước khoáng số 0477/GP-ĐCKS của Bộ Công nghiệp đã hết hạn vào ngày 7/3/2011. Ngoài ra, Chính phủ đã ban hành Công văn số 6033a/VPCP-KTN ngày 30/8/2011 về việc tạm dừng cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản trên phạm vi cả nước. Đến ngày 6/2/2013, UBND Tỉnh Bình Thuận đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 48121000734 cho dự án trên và Công ty đang trong quá trình hoàn chỉnh hồ sơ để được Tổng Cục Địa Chất và Khoáng Sản cấp giấy phép gia hạn khai thác.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2013



LỤC THỊ VÂN
Chứng chỉ KTV số 0172/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

NGÔ THANH BÌNH
Chứng chỉ KTV số 0524/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		99.236.091.476	92.490.523.893
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	15.353.615.610	13.481.424.240
1. Tiền	111		15.353.615.610	13.481.424.240
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu	130	5.2	45.407.342.391	46.205.767.654
1. Phải thu khách hàng	131		41.380.138.440	39.564.434.885
2. Trả trước cho người bán	132		3.092.076.776	6.492.194.849
3. Phải thu nội bộ	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		1.457.191.966	1.358.097.500
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(522.064.791)	(1.208.959.580)
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	35.677.220.530	29.668.073.407
1. Hàng tồn kho	141		36.004.217.795	30.102.992.691
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(326.997.265)	(434.919.284)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.797.912.945	3.135.258.592
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		241.371.459	796.044.374
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.127.909.227	1.703.382.284
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.313.640	59.400.317
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		427.318.619	576.431.617

(phần tiếp theo trang 5)

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		91.936.839.012	90.014.188.108
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		79.109.997.876	75.089.887.576
1. TSCĐ hữu hình	221	5.4	69.432.944.321	49.410.225.261
+ Nguyên giá	222		123.592.795.962	96.707.086.460
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(54.159.851.641)	(47.296.861.199)
2. TSCĐ thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. TSCĐ vô hình	227	5.5	9.461.778.104	9.595.941.564
+ Nguyên giá	228		10.195.354.193	9.993.114.193
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(733.576.089)	(397.172.629)
4. Giá trị xây dựng cơ bản dở dang	230		215.275.451	16.083.720.751
III. Bất động sản đầu tư	240			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.600.000.000	3.600.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.6	3.600.000.000	3.600.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		9.226.841.136	11.324.300.532
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	8.293.644.561	10.044.252.541
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	6.7	255.848.584	
3. Tài sản dài hạn khác	268		677.347.991	1.280.047.991
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		191.172.930.488	182.504.712.001

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		80.845.977.809	77.426.777.527
I. Nợ ngắn hạn	310		53.174.940.576	55.361.301.337
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.8	6.367.027.300	15.268.015.948
2. Phải trả người bán	312	5.9	22.719.989.150	20.799.167.099
3. Người mua trả tiền trước	313	5.9	435.766.166	1.191.843.763
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	314	5.10	2.725.291.860	2.453.217.912
5. Phải trả người lao động	315	5.11	11.094.851.892	8.090.968.105
6. Chi phí phải trả	316	5.12	8.031.225.872	6.498.214.920
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	1.800.788.336	1.059.873.590
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323			
II. Nợ dài hạn	330		27.671.037.233	22.065.476.190
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.14	17.772.034.413	13.968.255.418
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.15	9.899.002.820	7.972.052.200
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			125.168.572
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		110.326.952.679	105.077.934.474
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16.1	110.326.952.679	105.077.934.474
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.16.2	81.000.000.000	81.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14.208.000.000	14.208.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		36.000.000	36.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.720.439.018	1.293.412.941
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.16.5	13.362.513.661	8.540.521.533
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		191.172.930.488	182.504.712.001

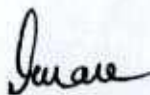
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		8.728.230.787	8.728.230.787
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		3.149,04	3.184,63
+ EUR		4.430,00	4.430,00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐỖ THANH LUÂN

Phan Thiết, ngày 20 tháng 03 năm 2013



NGUYỄN HỮU DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		480.986.516.931	385.195.048.692
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		37.382.344.214	26.293.443.184
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	443.604.172.717	358.901.605.508
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	285.493.747.863	245.007.180.250
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		158.110.424.854	113.894.425.258
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		369.284.280	1.572.843.883
7. Chi phí tài chính	22		3.245.344.220	1.003.354.815
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		3.245.344.220	967.085.505
8. Chi phí bán hàng	24	6.3	117.806.494.966	87.932.023.733
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.4	20.100.656.981	18.540.299.576
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.327.212.967	7.991.591.017
11. Thu nhập khác	31	6.5	2.194.784.512	3.907.245.194
12. Chi phí khác	32		1.412.867.175	450.191.518
13. Lợi nhuận khác	40		781.917.337	3.457.053.676
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.109.130.304	11.448.644.693
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	5.015.980.683	2.781.630.021
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.7	(255.848.584)	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.348.998.205	8.667.014.672
18. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phần	70	5.16.4	1.648	1.070

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐỖ THANH LUÂN

Phan Việt Nam 20 tháng 03 năm 2013



NGUYỄN HỮU DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

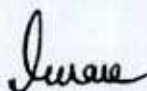
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		18.109.130.304	11.448.644.693
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		9.217.091.423	7.273.974.940
Các khoản dự phòng	03		(794.816.808)	243.100.998
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(367.935.168)	(1.373.588.883)
Chi phí lãi vay	06		3.245.344.220	967.085.505
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		29.408.813.971	18.559.217.253
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.141.136.784	(9.129.648.050)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.917.825.104)	2.973.523.942
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		14.163.459.172	1.712.840.416
(không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)				
Tăng giảm chi phí trả trước	12		2.313.288.895	(8.456.189.112)
Tiền lãi vay đã trả	13		(3.097.115.445)	(1.211.660.788)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(5.118.762.325)	(3.778.296.226)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		729.556.000	
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(4.215.087.995)	(799.528.591)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		29.407.463.953	(129.741.156)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài	21		(13.502.908.567)	(23.089.756.492)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài	22		345.454.545	47.885.384
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		289.507.521	1.373.588.883
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(12.867.946.501)	(21.668.282.225)

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		103.386.917.782	57.662.200.086
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(110.360.955.810)	(34.422.131.938)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.700.560.000)	(6.480.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(14.674.598.028)	16.760.068.148
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		1.864.919.424	(5.037.955.233)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	13.481.424.240	18.519.379.474
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		7.271.946	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	5.1	15.353.615.610	13.481.424.241

KÊ TOÁN TRƯỞNG

ĐỖ THANH LUÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước Khoáng Vĩnh Hảo (dưới đây gọi tắt là Công ty) là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Giấy phép thành lập số 000965 GP/TLĐN-03 ngày 14 tháng 1 năm 1995 và giấy chứng nhận đầu tư số 4812000734 ngày 06 tháng 02 năm 2013 do UBND Tỉnh Bình Thuận cấp.
- Giấy đăng ký kinh doanh số 3400178402 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp ngày 9 tháng 11 năm 1995 và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 28 tháng 08 năm 2012.

Công ty đã đăng ký là Công ty đại chúng tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 2 tháng 1 năm 2008.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 346 Hải Thượng Lãn Ông, Phường Phú Tài, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 81 tỷ đồng.

Các nhà máy và chi nhánh trực thuộc tính đến 31/12/2012 gồm:

- Nhà máy sản xuất nước khoáng Vĩnh Hảo tại Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận.
- Chi nhánh Bình Dương tại Ấp Hóa Nhứt, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh Hồ Chí Minh tại 184 Hoàng Hoa Thám, Phường 12, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Văn phòng đại diện: Lầu 5, số 41-43 Trần Cao Vân, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bông và chế phẩm vệ sinh.
- Dịch vụ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động.
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe.
- Kinh doanh đồ uống, thực phẩm.
- Sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.
- Chế biến và bảo quản rau quả.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là chứng từ ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí bao bì được phân bổ cho sản phẩm nhập kho theo đơn giá như sau:

	Năm 2012	Năm 2011
Chai thủy tinh (đồng/sản phẩm)	250	130
Bình xanh (đồng/sản phẩm)	2.000	2.000

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	4 – 30 năm
+ Máy móc thiết bị	4 – 21 năm
+ Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
+ Thiết bị dụng cụ quản lý	4 – 6 năm
+ Tài sản phúc lợi công cộng, tài sản khác	5 – 12 năm
+ Quyền sử dụng đất	50 năm
+ Phần mềm máy tính	5 – 10 năm

4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

4.7. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

▪ Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế:

Các quỹ dự trữ được trích lập theo quy định tại Điều lệ Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.10. Thuê tài sản

Các hợp đồng được phân loại là các hợp đồng thuê tài chính khi các điều khoản của hợp đồng thuê về căn bản chuyển giao mọi rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu tài sản cho Công ty. Các hợp đồng không thỏa điều kiện nêu trên được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

4.11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.12. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.13. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	217.537.985	597.908.377
Tiền gửi ngân hàng	15.136.077.625	12.883.515.863
Tổng cộng	15.353.615.610	13.481.424.240

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	41.380.138.440	39.564.434.885
Trả trước cho người bán	3.092.076.776	6.492.194.849
Các khoản phải thu khác	1.457.191.966	1.358.097.500
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	45.929.407.182	47.414.727.234
Dự phòng phải thu khó đòi	(522.064.791)	(1.208.959.580)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	45.407.342.391	46.205.767.654

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty, chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu tiền nước	20.686.852.867	17.546.697.598
Phải thu tiền bao bì	20.693.285.574	22.017.737.288
Cộng	41.380.138.441	39.564.434.886

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế thu nhập cá nhân phải thu	439.454.186	267.475.896
Khác	1.017.737.780	1.090.621.604
Cộng	1.457.191.966	1.358.097.500

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	1.974.130.001	-
Nguyên liệu, vật liệu	19.047.502.830	18.314.024.894
Công cụ, dụng cụ	6.142.024.860	8.162.966.720
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	48.861.547	241.992.523
Thành phẩm	8.787.889.893	3.380.199.890
Hàng hóa	1.419.000	1.419.000
Hàng gửi bán	2.389.664	2.389.664
Cộng giá gốc hàng tồn kho	36.004.217.795	30.102.992.691
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(326.997.265)	(434.919.284)
Giá trị thuần có thể thực hiện	35.677.220.530	29.668.073.407

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	ĐVT: ngàn đồng	
					TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	20.700.984	63.452.069	9.603.251	981.912	1.968.870	96.707.086
Mua trong năm	576.340	3.843.904	-	66.500	-	4.486.745
Đầu tư XDCB hoàn thành	16.533.024	5.501.819	2.639.518	-	-	24.674.361
Tăng khác	10.000	16.600	-	169.000	-	195.600
Giảm khác	-	(179.000)	-	-	-	(179.000)
Thanh lý, nhượng bán	(221.370)	(2.070.626)	-	-	-	(2.291.996)
Số dư cuối năm	37.598.978	70.564.766	12.242.769	1.217.412	1.968.870	123.592.796
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	11.075.802	29.378.132	4.176.976	739.605	1.926.346	47.296.861
Khấu hao trong năm	2.024.465	5.391.415	1.326.027	127.459	11.323	8.880.689
Thanh lý, nhượng bán	(105.150)	(1.912.547)	-	-	-	(2.017.697)
Số dư cuối năm	12.995.117	32.857.000	5.503.003	867.064	1.937.669	54.159.853
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	9.625.182	34.073.937	5.426.275	242.307	42.524	49.410.225
Tại ngày cuối năm	24.603.861	37.707.766	6.739.766	350.348	31.202	69.432.943

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 36.465.508.004 đồng
- Xem thêm mục 5.8 và 5.15.

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 26.265.634.086 đồng.

(Phần tiếp theo trang 17)

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	9.219.114.720	691.383.473	82.616.000	9.993.114.193
Mua trong năm	-	202.240.000	-	202.240.000
Số dư cuối năm	9.219.114.720	893.623.473	82.616.000	10.195.354.193
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	339.788.309	57.384.320	397.172.629
Khấu hao trong năm	125.066.371	194.813.893	16.523.196	336.403.460
Số dư cuối năm	125.066.371	534.602.202	73.907.516	733.576.089
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	9.219.114.720	351.595.164	25.231.680	9.595.941.564
Tại ngày cuối năm	9.094.048.349	359.021.271	8.708.484	9.461.778.104

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 9.012.683.349 đồng – Xem thêm mục 5.8 và 5.15.

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 25.341.593 đồng.

5.6. Đầu tư tài chính dài hạn

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo với tỷ lệ góp vốn là 30%.

5.7. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí marketing, quảng cáo phát triển thương hiệu	3.761.126.736	7.358.854.920
Chi phí công cụ dụng cụ	2.748.740.373	2.103.442.909
Chi phí khác	1.783.777.452	581.954.712
Tổng cộng	8.293.644.561	10.044.252.541

5.8. Vay ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	3.367.027.300	13.268.015.948
Vay dài hạn đến hạn trả - Xem mục 5.15	3.000.000.000	2.000.000.000
Tổng cộng	6.367.027.300	15.268.015.948

Các khoản vay ngân hàng là các khoản vay chịu lãi suất từ 17%/năm đến 19,5%/năm đối với khoản vay bằng VND. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Tài sản cố định hữu hình – Xem thêm mục 5.4.
- Quyền sử dụng đất – Xem thêm mục 5.5.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.9. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	22.719.989.150	20.799.167.099
Người mua trả tiền trước	435.766.166	1.191.843.763
Tổng cộng	23.155.755.316	21.991.010.862

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

5.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	1.033.698.996	976.411.917
Thuế thu nhập doanh nghiệp	973.013.746	1.075.815.388
Thuế thu nhập cá nhân	142.059.518	-
Thuế tài nguyên	576.519.600	400.990.607
Tổng cộng	2.725.291.860	2.453.217.912

5.11. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 12 và thưởng năm 2012 còn phải trả.

5.12. Chi phí phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí hoa hồng, chiết khấu	6.683.371.697	5.754.033.603
Chi phí hỗ trợ vận chuyển	372.491.200	476.498.678
Chi phí lãi vay	148.228.775	130.883.185
Khác	827.134.200	136.799.454
Tổng cộng	8.031.225.872	6.498.214.920

5.13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thừa chờ xử lý	238.203.191	16.828.463
Kinh phí công đoàn	325.783.311	166.129.576
Cổ tức phải trả	1.205.681.272	806.241.272
Các khoản phải trả, phải nộp khác	31.120.562	70.674.279
Tổng cộng	1.800.788.336	1.059.873.590

5.14. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược của khách hàng. Chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Ký quỹ bán hàng	8.705.000.000	6.430.000.000
Ký cược bao bì	9.067.034.413	7.538.255.418
Tổng cộng	17.772.034.413	13.968.255.418

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.15. Vay và nợ dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	12.899.002.820	9.972.052.200
Nợ dài hạn đến hạn trả - Xem mục 5.8	(3.000.000.000)	(2.000.000.000)
Tổng cộng	9.899.002.820	7.972.052.200

Khoản vay ngân hàng để thực hiện dự án xây dựng nhà máy sản xuất nước khoáng đóng chai tại Xã Tân Vĩnh Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương. Thời hạn 5 năm và chịu lãi suất từ 17,5%/năm đến 19%/năm. Các khoản vay này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay - Xem thêm mục 5.4 và 5.5.

5.16. Vốn chủ sở hữu

5.16.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	ĐVT: nghìn đồng					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	81.000.000	14.208.000	36.000	1.374.375	5.407.307	102.025.682
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	8.667.015	8.667.015
Chia cổ tức	-	-	-	-	(6.480.000)	(6.480.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	609.762	(855.233)	(245.471)
Giảm khác	-	-	-	-	(270.739)	(270.739)
Tăng khác	-	-	-	(690.724)	2.072.171	1.381.447
Số dư đầu năm nay	81.000.000	14.208.000	36.000	1.293.413	8.540.521	105.077.934
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	13.348.998	13.348.998
Chia cổ tức	-	-	-	-	(8.100.000)	(8.100.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	427.026	(427.026)	-
Số dư cuối năm nay	81.000.000	14.208.000	36.000	1.720.439	13.362.493	110.326.932

5.16.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	16.326.400.000	16.326.400.000
Vốn góp của các đối tượng khác	64.673.600.000	64.673.600.000
Tổng cộng	81.000.000.000	81.000.000.000

5.16.3. Cổ phần

▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	8.100.000	8.100.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	8.100.000	8.100.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	8.100.000	8.100.000
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.16.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế của Công ty	13.348.998.205	8.667.014.672
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	8.100.000	8.100.000
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	1.648	1.070

5.16.5. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	8.540.521.533	5.407.307.653
Lợi nhuận sau thuế trong năm	13.348.998.205	8.667.014.672
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	(427.026.077)	(609.761.643)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(245.471.215)
Chia cổ tức	(8.100.000.000)	(6.480.000.000)
Lãi chậm nộp theo quyết toán thuế TNDN 2009	-	(270.738.575)
Hoàn nhập các khoản trích quỹ	-	2.072.170.642
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	13.362.493.661	8.540.521.533

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu các sản phẩm nước	480.986.516.931	385.076.066.484
Doanh thu các sản phẩm khác	-	118.982.208
Giảm giá hàng bán	(36.725.558.152)	(25.624.470.005)
Hàng bán bị trả lại	(656.786.062)	(668.973.179)
Doanh thu thuần	443.604.172.717	358.901.605.508

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn các sản phẩm nước	285.493.747.863	244.960.020.224
Giá vốn các sản phẩm khác	-	47.160.026
Tổng cộng	285.493.747.863	245.007.180.250

(phần tiếp theo trang 21)

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6.3. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	27.211.538.689	21.325.754.174
Chi phí vật liệu bao bì và đồ dùng	134.105.738	299.338.180
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.106.447.785	961.529.160
Chi phí khuyến mãi, quảng cáo, tiếp thị	45.131.254.362	30.410.651.266
Chi phí vận chuyển hàng hóa	34.850.247.890	26.390.832.931
Chi phí hoa hồng bán hàng	2.333.646.634	2.688.257.239
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	4.307.375.714	3.428.706.398
Chi phí bằng tiền khác	2.731.878.154	2.426.954.385
Tổng cộng	117.806.494.966	87.932.023.733

6.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	12.759.873.441	11.539.109.324
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	258.811.007	251.874.096
Chi phí khấu hao tài sản cố định	679.245.863	716.406.780
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(460.887.785)	290.982.592
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	321.272.706
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.558.277.419	2.897.739.175
Chi phí bằng tiền khác	3.305.337.036	2.522.914.903
Tổng cộng	20.100.656.981	18.540.299.576

6.5. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu từ hỗ trợ dự án quản trị doanh nghiệp	-	2.608.067.662
Thu từ bán phế liệu	1.575.361.788	850.879.063
Thu từ thanh lý tài sản cố định	345.454.545	47.885.384
Thu khác	273.968.179	400.413.085
Tổng cộng	2.194.784.512	3.907.245.194

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	18.109.130.304	11.448.644.693
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	2.164.078.395	757.875.390
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(209.285.965)	(1.080.000.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	20.063.922.734	11.126.520.083
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	5.015.980.683	2.781.630.021
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	5.015.980.683	2.781.630.021

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế.

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại của Công ty và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

	Khoản giảm trừ doanh thu	Tổng cộng
Số dư đầu năm nay	-	-
Hạch toán là giảm thu nhập trong kết quả kinh doanh năm nay	255.848.584	255.848.584
Số dư cuối năm nay	255.848.584	255.848.584

6.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	260.931.314.918	225.218.655.667
Chi phí nhân công	60.874.084.207	48.386.786.722
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.252.030.123	7.273.974.940
Chi phí dịch vụ mua ngoài	99.670.221.533	23.899.805.405
Chi phí khác bằng tiền	6.703.807.680	62.316.663.318
Chi phí dự phòng	(460.887.785)	1.139.037.887
Tổng cộng	436.970.570.676	368.234.923.939

7. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

Tên công ty

Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo

Mối quan hệ

Công ty liên kết

- Thủ lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Thủ lao Hội đồng quản trị	234.000.000	217.500.000
Lương Tổng Giám đốc	680.072.000	690.865.000
Tổng cộng	914.072.000	908.365.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

8. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động

Công ty thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 3 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ.

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	1.588.238.670	2.105.399.867
Tại ngày 31/12/2012, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:		

	Cuối năm	Đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	1.166.734.606	1.897.145.727
Trên 1 năm đến 5 năm	1.905.030.303	2.439.686.461
Trên 5 năm	276.818.182	-
Tổng cộng	3.348.583.091	4.336.832.188

9. Công cụ tài chính

▪ Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

▪ Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.12.

▪ Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.353.615.610	13.481.424.240
Phải thu khách hàng và phải thu khác	41.380.682.732	38.783.664.520
Tài sản dài hạn khác	677.347.991	1.280.047.991
Tổng cộng	57.411.646.333	53.545.136.751
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	16.266.030.120	23.240.068.148
Phải trả người bán và phải trả khác	24.042.670.422	22.126.723.328
Tổng cộng	40.308.700.542	45.366.791.476

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

▪ Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

▪ Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	01/01/2012	31/12/2012	01/01/2012
Đô la Mỹ (USD)	-	12.460,00	3.149,04	3.184,63
Euro (EUR)	-	-	4.430,00	4.430,00

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Công ty chịu rủi ro lớn về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro về lãi suất từ các khoản vay này khi có sự biến động về lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay	6.367.027.300	9.899.002.820	16.266.030.120
Phải trả người bán và phải trả khác	24.042.670.422	-	24.042.670.422

01/01/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay	15.268.015.948	7.972.052.200	23.240.068.148
Phải trả người bán và phải trả khác	22.126.723.328	-	22.126.723.328

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	41.380.682.732	-	41.380.682.732
Tài sản dài hạn khác	-	677.347.991	677.347.991

01/01/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	39.713.572.805	-	39.713.572.805
Tài sản dài hạn khác	-	1.280.047.991	1.280.047.991

10. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

11. Các thông tin thuyết minh khác

Đến ngày 7/3/2011, Giấy phép khai thác nước khoáng số 0477/GP-ĐCKS của Bộ Công nghiệp đã hết hạn và quá trình xin gia hạn giấy phép chưa được thực hiện do quy định mới của Chính phủ về việc tạm ngưng cấp phép khai thác khoáng sản tại Công văn số 6033a/VPCP-KTN ngày 30/8/2011. Đến ngày 6/2/2013, UBND Tỉnh Bình Thuận đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 48121000734 cho dự án trên và Công ty đang trong quá trình hoàn chỉnh hồ sơ để được Tổng Cục Địa Chất và Khoáng Sản cấp giấy phép gia hạn khai thác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG VĨNH HẢO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

12. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 20 tháng 3 năm 2013.

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Luau

ĐỖ THANH LUÂN

Số chứng thực

CHUNG THỰC BẢN SÁO

ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Quyển số

07 / 2015 - SCT/T

Ngày 28 tháng 07 năm 2015

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP QUẬN 1



Nguyễn Thị Quỳnh Triều



Phát hành ngày 20 tháng 3 năm 2013